TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-4-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Trường Phát**.

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị Kim Tân**.

2. Bà **Nguyễn Thị Hà**.

- Thư ký phiên tòa: Bà: **Đinh Thị Hạ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Phương Dung** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn*: Anh **Vũ Phong T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

3. *Người làm chứng:* Bà **Đinh Thị H**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Nguyễn Thị Thu T có mặt;
anh Vũ Phong T và bà Đinh Thị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 12 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày: trên cơ sở tự nguyện, chị và anh Vũ Phong T tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai vào ngày 16 tháng 12 năm 2010. Đây là hôn nhân lần

đầu của cả hai.

Cuộc sống chung của anh chị hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cải nhau, anh Vũ Phong T làm việc gì không bao giờ hỏi ý kiến của chị, chị cũng không chịu được cách quản lý tiền bạc của anh Vũ Phong T. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị và con đã về nhà mẹ ruột sống từ tháng 9 năm 2017. Đến nay, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, tình cảm không còn, hôn nhân không thể tiếp tục tồn tại nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Vũ Phong T.

Về con chung: chị và anh Vũ Phong T có 01 con chung là cháu Vũ Thiên A, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2013. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Chị yêu cầu anh Vũ Phong T cấp dưỡng nuôi hàng tháng với số tiền là 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Vũ Phong T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Vũ Phong T vẫn không có mặt tại Tòa án, do đó không có lời khai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân nhân dân huyện Xuân Lộc: về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và sự chấp hành pháp luật của các đương sự cơ bản đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: về quan hệ hôn nhân, cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Vũ Phong T; về con chung, giao cho chị Nguyễn Thị Thu T nuôi dưỡng cháu Vũ Thiên A; anh Vũ Phong T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng; về tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: chị Nguyễn Thị Thu T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Vũ Phong T hiện đang cư trú tại ấp T, xã X, huyện X và yêu cầu nuôi dưỡng con chung nên quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: chị Nguyễn Thị Thu T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Vũ Phong T nên chị Nguyễn Thị Thu T là nguyên đơn, anh Vũ Phong T là bị đơn.

[3] Về thủ tục tố tụng: anh Vũ Phong T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên xét xử vắng mặt anh Vũ Phong T tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thu T và anh Vũ Phong T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị Nguyễn Thị Thu T cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và quản lý chi tiêu tiền bạc trong gia đình nên thường hay cải nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Vũ Phong T

nhiều lần nhưng anh Vũ Phong T vẫn không có mặt để làm việc và hòa giải hàn gắn tình cảm. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập và được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thu T phù hợp với nội dung của biên bản lấy lời khai của người làm chứng bà Đinh Thị H là mẹ ruột của anh Vũ Phong T vào ngày 01 tháng 02 năm 2018 về tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị Thu T và anh Vũ Phong T. Như vậy đã đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị Thu T và anh Vũ Phong T mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy nên chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Vũ Phong T là phù hợp.

[5] Về con chung: chị Nguyễn Thị Thu T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Vũ Thiên A, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2013. Xét thấy, cháu Vũ Thiên A còn nhỏ, hiện đang sống cùng mẹ, quá trình giải quyết vụ án anh Vũ Phong T không có lời khai nêu ý kiến về việc nuôi con chung khi ly hôn, vì vậy, nên giao cháu Vũ Thiên A cho chị Nguyễn Thị Thu T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Nguyễn Thị Thu T yêu cầu anh Vũ Phong T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Mặc dù anh Vũ Phong T vắng mặt không có lời khai nhưng qua lời trình bày của bà Đinh Thị H là mẹ ruột của anh Vũ Phong T nhận thấy anh Vũ Phong T có việc làm và thu nhập ổn định, mức cấp dưỡng chị Nguyễn Thị Thu T yêu cầu phù hợp với điều kiện sống tại địa phương và cũng phù hợp với khả năng thực tế của anh Vũ Phong T. Do đó, nên chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu T, buộc anh Vũ Phong T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.500.000 đồng.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị Thu T trình bày không có nên không xem xét.

[8] Về án phí: chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Vũ Phong T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để nuôi con.

[9] Xét thấy, nhận định của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Vũ Phong T.

- Về con chung: giao cháu Vũ Thiên A, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Vũ Phong T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng)*.

Anh Vũ Phong T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Khi cần thiết, chị Nguyễn Thị Thu T và anh Vũ Phong T được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 008099 ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc, chị Nguyễn Thị Thu T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Vũ Phong T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

Chị Nguyễn Thị Thu T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh Vũ Phong T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền T thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- CCTHADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã X;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Trần Trường Phát